

CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM

LỜI MỞ ĐẦU

Các quốc gia thành viên Công ước này,

Xét rằng theo các nguyên tắc đã công bố trong Hiến chương Liên hợp quốc, công nhận phẩm cách vốn có và các quyền bình đẳng không thể tước đoạt được của tất cả thành viên trong gia đình loài người là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới.

Ghi nhớ rằng các dân tộc thành viên Liên hợp quốc đã từng khẳng định lại trong Hiến chương niềm tin của mình vào các quyền con người cơ bản, vào phẩm cách và giá trị của con người, quyết tâm thúc đẩy tiến bộ xã hội và chất lượng cuộc sống trong sự tự do rộng lớn hơn.

Công nhận rằng trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các công ước quốc tế về quyền con người, Liên Hợp Quốc đã công bố và thỏa thuận rằng mọi người đều có quyền được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu ra trong các văn kiện đó mà không bị bất cứ một sự phân biệt đối xử nào như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, xuất thân gia đình hoặc mối tương quan khác.

Nhắc lại rằng trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, Liên hợp quốc đã công bố rằng trẻ em có quyền được chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt.

Tin tưởng rằng gia đình với tư cách là nhóm xã hội cơ bản và môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của tất cả thành viên gia đình, đặc biệt là trẻ em cần có sự bảo vệ và giúp đỡ cần thiết có thể đảm đương được đầy đủ các trách nhiệm của mình trong cộng đồng.

Công nhận rằng để phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình, trẻ em cần được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông.

Xét rằng trẻ em cần được chuẩn bị đầy đủ để cuộc sống cá nhân trong xã hội và cần được nuôi dưỡng theo tinh thần các lý tưởng được nêu ra trong Hiến chương Liên hợp quốc, đặc biệt trong tinh thần hòa bình, phẩm giá, khoan dung, tự do, bình đẳng và đoàn kết.

Ghi nhớ rằng nhu cầu chăm sóc đặc biệt trẻ em đã được khẳng định trong Tuyên ngôn Giơnevơ về quyền trẻ em, trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em do Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20-11-1959 và đã được thừa nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (đặc biệt trong các điều 23 và 24), trong Công ước

quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (đặc biệt trong Điều 10), trong những điều lệ và văn kiện có liên quan khác của các cơ quan chuyên môn, các tổ chức quốc tế liên quan đến phúc lợi của trẻ em.

Ghi nhớ rằng “do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời” như đã chỉ ra trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em,.

Nhắc lại các điều khoản của Tuyên bố về các nguyên tắc xã hội và pháp lý liên quan đến việc bảo vệ và phúc lợi trẻ em, đặc biệt là việc bảo trợ, nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài, Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về quản lý tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) và Tuyên ngôn về bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong trường hợp khẩn cấp hoặc xung đột vũ trang.

Công nhận rằng ở tất cả các quốc gia trên thế giới có những trẻ em sống trong các điều kiện đặc biệt khó khăn và những trẻ em như vậy cần được quan tâm đặc biệt.

Cần nhắc thích đáng tầm quan trọng của các truyền thống và giá trị văn hóa của mỗi dân tộc để bảo vệ và phát triển hài hòa trẻ em.

Công nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế để cải thiện điều kiện sống của trẻ em ở mọi nước, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

Đã thỏa thuận như sau:

PHẦN I

Điều 1

Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Điều 2

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mỗi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào, bất kể trẻ em, cha mẹ hay người giám hộ pháp lý của trẻ em đó thuộc chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến gì khác, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hay xã hội, tài sản, tàn tật, xuất thân gia đình và những mối tương quan khác.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo cho trẻ em được bảo vệ tránh khỏi tất cả các hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt trên cơ sở địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên gia đình khác của các em.

Điều 3

1. Trong tất cả những hành động liên quan đến trẻ em, dù do các cơ quan phúc lợi xã hội công cộng hay tư nhân, tòa án, các nhà chức trách hành chính hay các cơ quan lập pháp tiến hành thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.

2. Các quốc gia thành viên cam kết bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ và chăm sóc như vậy cần thiết cho hạnh phúc của trẻ em, có tính đến những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những cá nhân khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với trẻ em và nhằm mục đích đó, sẽ thực thi tất cả tất cả các biện pháp thích hợp về lập pháp và hành chính.

3. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng những tổ chức, cơ quan và cơ sở chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc bảo vệ trẻ em phải theo đúng những tiêu chuẩn do các nhà chức trách có thẩm quyền quy định, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn, sức khỏe, về số lượng và sự phù hợp của đội ngũ nhân viên các cơ đó cũng như về sự giám sát thành thạo.

Điều 4

Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp lập pháp, hành chính và các biện pháp thích hợp khác để thực hiện những quyền được thừa nhận trong Công ước này. Về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp như vậy ở mức tối đa các nguồn lực sẵn có của mình và khi cần thiết trong phạm vi khuôn khổ hợp tác quốc tế.

Điều 5

Các quốc gia thành viên phải tôn trọng những trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, hoặc ở những nơi áp dụng được cả các thành viên gia đình mở rộng hoặc của cộng đồng theo phong tục địa phương quy định, của những người giám hộ pháp lý hay những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với trẻ em, trong việc chỉ bảo và hướng dẫn thích hợp cho trẻ em theo một cách phù hợp với những khả năng đang phát triển của trẻ em trong việc thực hiện các quyền được thừa nhận trong Công ước này.

Điều 6

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng, mọi trẻ em đều có quyền có hữu được sống.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em.

Điều 7

1. Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau sinh ra và phải có quyền có họ tên, quyền có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc sau khi ra đời.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm việc thực hiện những quyền này phù hợp với luật pháp quốc gia của họ, với những nghĩa vụ của họ theo những văn kiện quốc tế có liên quan trong lĩnh vực này, đặc biệt trong trường hợp là nếu không làm như thế thì trẻ em sẽ không có quốc tịch.

Điều 8

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng quyền của trẻ em được giữ gìn bản sắc của mình, kể cả quốc tịch, họ tên và các quan hệ gia đình được pháp luật thừa nhận mà không có sự can thiệp phi pháp.

2. Nơi nào có trẻ em bị tước đoạt một cách phi pháp một vài hoặc tất cả những yếu tố bản sắc của các em, thì các quốc gia thành viên phải giúp đỡ và bảo vệ thích hợp, nhằm mục đích nhanh chóng khôi phục lại bản sắc cho các em đó.

Điều 9

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trẻ em không bị cách ly cha mẹ trái với ý muốn của họ, trừ khi những nhà chức trách có thẩm quyền chịu sự xem xét của tòa án quyết định là theo luật pháp và các thủ tục áp dụng thì việc cách ly như thế là cần thiết vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định như thế có thể là cần thiết trong trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay xao nhãng, hoặc khi cha mẹ sống cách ly và cần phải có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em.

2. Trong bất kỳ quá trình tố tụng theo như khoản 1 của Điều 9 này, tất cả các bên liên quan phải được cơ hội tham gia quá trình tố tụng và bày tỏ quan điểm của mình.

3. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em bị sống cách ly với cha mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, để duy trì những quan hệ riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ khi việc này trái với lợi ích tốt nhất của trẻ em.

4. Nơi nào mà có sự cách ly như vậy do bất kỳ hành động nào của một quốc gia thành viên như giam giữ, bỏ tù, đi lưu vong, đi đày hay chết (gồm cả cái chết xảy ra do bất kỳ nguyên nhân nào trong khi người đó đang ở trong cơ sở giam giữ của Nhà nước), của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ của trẻ em thì quốc gia thành viên đó phải cung cấp theo yêu cầu cho cha mẹ, cho trẻ em hoặc nếu thích hợp, cho một thành viên khác của gia đình những thông tin thiết yếu về địa chỉ của một hay nhiều thành viên vắng mặt của gia đình, trừ trường hợp việc cung cấp thông tin như thế sẽ phương hại đến phúc lợi của trẻ em. Các quốc gia thành viên còn phải đảm bảo rằng việc đề ra yêu cầu như vậy phải không tự nó gây ra những hậu quả có hại cho người (hoặc những người) có liên quan.

Điều 10

1. Phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo khoản 1 Điều 9, những đơn của trẻ em hoặc của cha mẹ các em đề nghị được nhập cảnh hay xuất cảnh một quốc gia thành viên vì mục đích đoàn tụ gia đình, phải được các quốc gia thành viên xử lý một cách tích cực, nhân đạo và nhanh chóng. Hơn nữa, các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng việc đưa một yêu cầu như thế sẽ không gây ra những hậu quả có hại cho những người đứng đơn yêu cầu và cho các thành viên gia đình họ.

2. Trẻ em có cha mẹ mà mỗi người cư trú ở các quốc gia khác nhau phải có quyền duy trì trên cơ sở đều đặn những quan hệ cá nhân và tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ trừ hoàn cảnh đặc biệt. Nhằm mục đích đó và phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo khoản 1 Điều 9, các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em, của cha mẹ được xuất cảnh bất cứ quốc gia, kể cả chính quốc gia của họ và quyền nhập cảnh vào quốc gia của họ. Quyền được rời bất kỳ nước nào chỉ phải lệ thuộc vào những điều hạn chế được ghi trong luật pháp và cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, y tế, đạo đức hoặc các quyền và sự tự do của những người khác và phù hợp với các quyền khác được thừa nhận trong Công ước này.

Điều 11

1. Các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp chống việc mang trẻ em ra nước ngoài bất hợp pháp và không đưa trở về.

2. Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc ký kết những hiệp định song phương hoặc đa phương hay tham gia các hiệp định hiện có.

Điều 12

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho trẻ em có đủ khả năng hình thành các quan điểm riêng của mình được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về tất cả các vấn đề có ảnh hưởng đến các em và những quan điểm của các em phải được coi trọng một cách phù hợp với tuổi và độ trưởng thành của các em.

2. Vì mục đích đó, trẻ em phải được đặc biệt tạo cơ hội nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính nào có ảnh hưởng đến trẻ em, hoặc trực tiếp hay thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy định mang tính thủ tục của luật pháp quốc gia.

Điều 13

1. Trẻ em phải có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này phải bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng không kể biên giới, hoặc qua truyền miệng, bản viết tay hay bản in, dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn.

2. Việc thực hiện quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này chỉ phải là các điều do luật pháp quy định và là cần thiết.

- a) Để tôn trọng các quyền và thanh danh của những người khác.
- b) Để bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng hoặc y tế hay đạo đức.

Điều 14

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và khi thích hợp của người giám hộ pháp lý trong việc hướng dẫn trẻ em thực hiện quyền của các em một cách phù hợp với khả năng phát triển của mình.

3. Quyền tự do biểu thị tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể chịu những hạn chế do pháp luật đề ra và là cần thiết để bảo vệ an toàn công cộng, trật tự xã hội, y tế hay đạo đức hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác.

Điều 15

1. Các quốc gia thành viên công nhận các quyền của trẻ em được tự do kết giao và tự do hội họp hòa bình.

2. Không được đặt ra các hạn chế đối với việc thực hiện các quyền này, ngoài những điều đã đề ra phù hợp với luật pháp và là cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự xã hội, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức hoặc bảo vệ những quyền và tự do của người khác.

Điều 16

1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín của các em cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em.

2. Trẻ em có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy.

Điều 17

Các quốc gia thành viên công nhận chức năng quan trọng của các phương tiện thông tin đại chúng và phải bảo đảm rằng trẻ em được tiếp cận thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn quốc gia và quốc tế khác nhau, đặc biệt là những thông tin tư liệu nhằm mục đích thúc đẩy lợi ích xã hội, tinh thần và đạo đức cũng như sức khỏe về thể chất và tinh thần của trẻ em. Nhằm mục đích này, các quốc gia thành viên phải:

a) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng phổ biến những thông tin và tư liệu có lợi về xã hội và văn hóa cho trẻ em phù hợp với tinh thần của Điều 29.

b) Khuyến khích hợp tác quốc tế trong việc sản xuất, trao đổi và phổ biến những thông tin và tư liệu như thể từ nhiều nguồn văn hóa quốc gia và quốc tế đa dạng khác nhau.

c) Khuyến khích việc sản xuất và phổ biến sách của trẻ em.

đ) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng đặc biệt lưu ý đến những nhu cầu về ngôn ngữ của trẻ em thuộc nhóm thiểu số hay là người bản địa.

e) Khuyến khích phát triển những hướng dẫn thích hợp cho việc bảo vệ trẻ em chống lại những thông tin và tư liệu có hại cho phúc lợi của các em, có lưu ý đến những điều khoản của các điều 13 và 18.

Điều 18

1. Các quốc gia thành viên phải có những cố gắng cao nhất để đảm bảo việc thừa nhận nguyên tắc là cả cha và mẹ đều có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng và phát triển trẻ em. Cha mẹ hay tùy trường hợp có thể là người giám hộ pháp lý, có trách nhiệm hàng đầu trong việc nuôi dưỡng và phát triển trẻ em. Những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là điều quan tâm cơ bản của họ.

2. Vì mục đích bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện những quyền được đặt ra trong Công ước này, các quốc gia thành viên phải dành sự giúp đỡ thích hợp cho cha mẹ và người giám hộ pháp lý trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi nấng trẻ em và phải đảm bảo sự phát triển những cơ quan, cơ sở và dịch vụ cho việc chăm sóc trẻ em.

3. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho con cái của những cha mẹ đang làm việc có quyền được hưởng các dịch vụ và cơ sở chăm sóc trẻ em mà họ có đủ tư cách được hưởng.

Điều 19

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị thương tổn hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc chăm sóc xao nhãng, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả lạm dụng tình dục trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, một hay nhiều người giám hộ pháp lý, hoặc của bất kỳ người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

2. Những biện pháp bảo vệ như vậy, trong chừng mực thích hợp cần bao gồm các thủ tục hữu hiệu để thành lập những chương trình xã hội nhằm dành

sự hỗ trợ cần thiết cho trẻ em và cho những người chăm sóc trẻ em, cũng như cho các hình thức phòng ngừa khác và cho việc xác định, báo cáo, chuyển cấp, điều tra, xử lý và tiến hành những bước tiếp theo trong các trường hợp ngược đãi trẻ em như đã mô tả trước đây và nếu thích hợp cho việc tham gia của pháp luật.

Điều 20

1. Những trẻ em tạm thời hay vĩnh viễn bị tước mất môi trường gia đình của mình, hoặc vì những lợi ích tốt nhất của chính bản thân các em mà không được phép tiếp tục ở trong môi trường ấy phải có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt của Nhà nước.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho các trẻ em như thế được hưởng sự chăm sóc thay thế phù hợp với luật pháp quốc gia.

3. Sự chăm sóc như thế có thể bao gồm nhiều hình thức như bảo trợ, hình thức Kafala của luật đạo Hồi, nhận làm con nuôi hoặc nếu cần thiết đưa vào những cơ sở chăm sóc trẻ em thích hợp. Khi cân nhắc các giải pháp, phải quan tâm thích đáng đến việc mong muốn liên tục trong việc nuôi dạy trẻ em và đến xuất xứ dân tộc, tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ của trẻ em.

Điều 21

Các quốc gia thành viên mà công nhận hoặc cho phép chế độ con nuôi phải đảm bảo rằng những lợi ích tốt nhất của trẻ em là mối quan tâm cao nhất và các quốc gia phải:

a) Đảm bảo rằng việc nhận trẻ em làm con nuôi chỉ được tiến hành với sự cho phép của những nhà chức trách có thẩm quyền theo đúng pháp luật, thủ tục được áp dụng và trên cơ sở tất cả thông tin liên quan đáng tin cậy, rằng xét tình trạng của trẻ em về cha, mẹ, họ hàng, người giám hộ pháp lý thì việc nhận trẻ em làm con nuôi là có thể được phép và rằng nếu được yêu cầu, những người có liên quan cho biết họ đã được thông tin và đồng ý việc nhận làm con nuôi đó trên cơ sở tham vấn như vậy là cần thiết.

b) Công nhận rằng việc trẻ em làm con nuôi nước ngoài có thể được coi như một biện pháp thay thế của việc chăm sóc trẻ em, nếu như trẻ em đó không thể gửi được cho một gia đình bảo trợ hay nhận nuôi, hoặc không thể nào được chăm sóc một cách thích hợp bất kỳ nào ở ngay tại quốc gia gốc của trẻ em.

c) Đảm bảo rằng cho trẻ em ra nước ngoài làm con nuôi cũng được hưởng những sự bảo vệ và tiêu chuẩn tương đương với những sự bảo vệ và tiêu chuẩn hiện hành của việc làm con nuôi trong nước.

(đ) Thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng trong việc trẻ em làm con nuôi nước ngoài thì việc cho nhận con nuôi ấy không dẫn đến sự trục lợi không chính đáng về tài chính của những người có liên quan tham gia.

(e) Thúc đẩy việc thực hiện những mục tiêu của điều này ở những nơi nào thích hợp, bằng cách ký những thỏa thuận hoặc hiệp định song phương hay đa phương và trong khuôn khổ đó, ra sức đảm bảo việc đưa trẻ em sang quốc gia khác làm con nuôi là do những nhà chức trách hay cơ quan có thẩm quyền tiến hành.

Điều 22

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng trẻ em xin quy chế tỵ nạn hoặc được coi như người tỵ nạn theo luật pháp và thủ tục quốc gia hay quốc tế có thể áp dụng, dù không có hay có cha mẹ, hay bất cứ một người nào khác đi cùng phải nhận được sự bảo vệ và giúp đỡ nhân đạo thích hợp trong việc hưởng các quyền áp dụng nêu ra trong Công ước này và trong những văn kiện quốc tế khác về quyền con người hay nhân đạo mà những quốc gia được nói đến là quốc gia thành viên.

2. Nhằm mục đích đó, các quốc gia thành viên tùy xét thấy thích hợp mà phải hợp tác trong bất kỳ những cố gắng nào của Liên hợp quốc hoặc những tổ chức liên chính phủ hay phi chính phủ có thẩm quyền hợp tác với Liên hợp quốc để bảo vệ, giúp đỡ trẻ em như thế để tìm ra cha mẹ hoặc những thành viên khác của gia đình bất kỳ trẻ em tỵ nạn nào, nhằm có được những thông tin cần thiết cho việc trẻ em đó được đoàn tụ gia đình. Trong những trường hợp không thể tìm ra cha mẹ hay các thành viên khác trong gia đình thì trẻ em đó phải được hưởng sự bảo vệ giống như trẻ em nào khác vĩnh viễn hay tạm thời bị tước đoạt môi trường gia đình vì bất kỳ lý do gì như đã được nêu trong Công ước này.

Điều 23

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng trẻ em tàn tật về tinh thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng.

2. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em tàn tật được chăm sóc đặc biệt và tùy theo các nguồn lực sẵn có, phải khuyến khích và đảm bảo dành cho trẻ em tàn tật và cho những người có trách nhiệm chăm sóc sự giúp đỡ mà họ yêu cầu và thích hợp với điều kiện của trẻ em đó, với hoàn cảnh của cha mẹ hay những người khác chăm sóc các trẻ em đó.

3. Trên cơ sở thừa nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em tàn tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em tàn tật theo khoản 2 của Điều 23 này phải được cung cấp miễn phí, bất kỳ khi nào có thể, tính đến khả năng tài chính của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em tàn tật và sẽ được trù tính sao cho đảm bảo rằng trẻ em tàn tật được tiếp cận một cách có hiệu quả và được giáo dục, đào tạo, hưởng các dịch vụ y tế và dịch vụ phục hồi chức năng, sự chuẩn bị để có việc làm và các cơ hội giải trí theo cách thức có lợi cho việc trẻ em tàn tật được hòa nhập xã hội và phát triển cá nhân đầy đủ nhất có thể đạt được bao gồm cả sự phát triển văn hóa và tinh thần của những trẻ em đó.

4. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy trong tinh thần hợp tác quốc tế việc trao đổi thông tin thích hợp trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa trị về y tế, tâm lý và chức năng cho trẻ em tàn tật, bao gồm việc phổ biến và tiếp cận thông tin liên quan đến phương pháp giáo dục, phục hồi chức năng và các dịch vụ dạy nghề, nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên nâng cao khả năng, kỹ năng của họ để mở rộng kinh nghiệm của họ trong những lĩnh vực này. Về mặt này, phải đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các quốc gia đang phát triển.

Điều 24

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được hưởng mức cao nhất có thể đạt được về sức khỏe, các phương tiện chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. Các quốc gia thành viên phải cố gắng đảm bảo rằng không có trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe như vậy.

2. Các quốc gia thành viên phải theo đuổi việc thực hiện đầy đủ quyền này và đặc biệt phải thực hiện những biện pháp thích hợp để:

a) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em và trẻ sơ sinh.

b) Bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho tất cả trẻ em, chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

c) Chống bệnh tật và suy dinh dưỡng trong khuôn khổ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẳng hạn qua việc áp dụng các công nghệ sẵn có và qua việc cấp đầy đủ thức ăn dinh dưỡng bổ sung và nước uống sạch có tính đến những nguy cơ và hiểm họa ô nhiễm môi trường.

đ) Đảm bảo chăm sóc sức khỏe thích hợp cho các bà mẹ trước và sau khi sinh đẻ.

e) Đảm bảo rằng tất cả các tầng lớp xã hội, đặc biệt những người làm cha mẹ và trẻ em được thông tin, được tiếp cận giáo dục và được hỗ trợ trong việc sử dụng kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em, những ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ, vệ sinh, vệ sinh môi trường và phòng ngừa tai nạn.

f) Phát triển công tác chăm sóc sức khỏe phòng bệnh, hướng dẫn cha mẹ, giáo dục và các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

3. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp và hiệu quả nhằm xóa bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ em.

4. Các quốc gia thành viên cam kết thúc đẩy và khuyến khích việc hợp tác quốc tế nhằm dần đạt đến sự thực hiện đầy đủ quyền được thừa nhận trong Điều 24 này. Về mặt này, phải đặc biệt tính đến những nhu cầu của các nước đang phát triển.

Điều 25

Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được những nhà chức trách có thẩm quyền bố trí chăm sóc, bảo vệ, hoặc điều trị sức khỏe về thể chất hay tinh thần, được xem xét định kỳ chế độ điều trị và tất cả các điều kiện khác liên quan đến sự bố trí nói trên.

Điều 26

1. Các quốc gia thành viên phải công nhận quyền của trẻ em được quyền hưởng an toàn xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội và phải thi hành những biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ quyền này phù hợp với luật pháp quốc gia của mình.

2. Ở nơi thích hợp, các quyền lợi đó phải được đảm bảo có tính đến các nguồn lực, hoàn cảnh của trẻ em và của những người chịu trách nhiệm nuôi nấng trẻ em, cũng như bất kỳ một sự cân nhắc nào khác liên quan đến đơn xin được hưởng quyền lợi do trẻ em hay người thay mặt trẻ em đệ trình.

Điều 27

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em được có mức sống đủ để phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội.

2. Cha mẹ, hoặc cha hay mẹ và những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em có trách nhiệm hàng đầu trong việc bảo đảm các điều kiện sống cần thiết cho sự phát triển của trẻ em theo năng lực và khả năng tài chính của mình.

3. Các quốc gia thành viên, tùy theo những điều kiện và trong phạm vi các phương tiện sẵn có của mình phải thi hành các biện pháp thích hợp để giúp đỡ cha mẹ và những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em thực hiện quyền này và trong trường hợp cần thiết phải thực hiện những chương trình hỗ trợ và giúp đỡ vật chất, đặc biệt về dinh dưỡng, quần áo và nhà ở.

4. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả những biện pháp thích hợp để bảo đảm thu hồi cho trẻ em chi phí nuôi nấng từ tay cha mẹ hay những người khác có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em ở tại quốc gia thành viên cũng như ở nước ngoài. Đặc biệt, nếu người có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em sống ở một quốc gia khác thì các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc tham gia các hiệp định quốc tế hay việc ký kết những hiệp định như vậy, cũng như là việc dàn xếp các thỏa thuận thích hợp khác.

Điều 28

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được học hành và nhằm đạt được việc thực hiện dần dần quyền này trên cơ sở có cơ hội bình đẳng, đặc biệt phải:

a) Thi hành giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người.

b) Khuyến khích phát triển các hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và đến được với mọi trẻ em, thi hành các biện pháp thích hợp như thực hiện giáo dục miễn phí và có tài trợ trong trường hợp cần thiết.

c) Làm giáo dục đại học đến được với tất cả mọi người trên cơ sở khả năng bằng mọi phương tiện thích hợp.

đ) Làm cho việc hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề sẵn có và đến được với tất cả trẻ em.

e) Tiến hành các biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả biện pháp thích hợp để đảm bảo kỷ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng với Công ước này.

3. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xóa bỏ nạn đói nát và mù chữ khắp thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các quốc gia đang phát triển phải được đặc biệt xem xét.

Điều 29

1. Các quốc gia thành viên thỏa thuận rằng việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:

a) Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em.

b) Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc.

c) Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của bản thân trẻ em đó.

d) Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hòa bình, khoan dung, bình đẳng nam nữ và hữu nghị giữa tất cả các dân tộc, các nhóm chủng tộc, dân tộc, tôn giáo và những người bản địa.

e) Phát triển sự tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

2. Không có phần nào trong điều nay hay trong Điều 28 hiểu theo hướng can thiệp ảnh hưởng đến quyền tự do của các cá nhân và tập thể được thành lập và lãnh đạo những tổ chức giáo dục, trước sau vẫn tôn trọng các nguyên tắc được nêu trong khoản 1 của Điều 28 này, đáp ứng yêu cầu của sự giáo dục trong những tổ chức như thế phải phù hợp với các tiêu chuẩn tối thiểu mà Nhà nước có thể đặt ra.

Điều 30

Ở những quốc gia có tồn tại các nhóm thiểu số về chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc có những người gốc bản địa, những trẻ em thuộc một nhóm thiểu số như thế hoặc là người bản địa, phải không bị khước từ quyền được hưởng nền văn hóa của mình, tuyên bố và thực hành tôn giáo và sử dụng tiếng nói của mình cùng với những thành viên khác trong cộng đồng của mình.

Điều 31

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và tiêu khiển, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí phù hợp với lứa tuổi, được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, phải khuyến khích việc dành những cơ hội bình đẳng, thích hợp cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và tiêu khiển.

Điều 32

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc nào nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, hay xã hội của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để đảm bảo việc thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên đặc biệt phải:

a) Quy định một hay nhiều hạn tuổi tối thiểu được phép thu nhận làm công.

b) Có quy định thích hợp về giờ giấc và điều kiện lao động.

(c) Quy định những hình thức phạt thích hợp hay các hình thức phạt khác để đảm bảo thực hiện Điều 32 này.

Điều 33

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp thích hợp, bao gồm những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em chống lại việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần như đã được xác định trong những điều ước quốc tế liên quan, và để ngăn ngừa việc sử dụng trẻ em vào việc sản xuất, buôn bán bất hợp pháp các chất đó.

Điều 34

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa:

- a) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào.
- b) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong mại dâm hay các hành vi tình dục trái pháp luật khác.
- c) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay tài liệu khiêu dâm.

Điều 35

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp ở các cấp quốc gia, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì hay dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 36

Các quốc gia thành viên phải bảo vệ trẻ em chống tất cả những hình thức bóc lột khác phương hại bất kỳ những phương diện nào của phúc lợi trẻ em.

Điều 37

Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng:

- a) Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn tệ, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá. Không được xử tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng phóng thích vì những tội do những người dưới 18 tuổi gây ra.
- b) Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất.

c) Mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo và tôn trọng phẩm giá cố hữu của con người, theo một cách có tính đến các nhu cầu của những người ở lứa tuổi các em. Đặc biệt mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được cách ly với người lớn, trừ trường hợp không làm như vậy vì lợi ích tốt nhất của các em. Các em phải có quyền duy trì sự tiếp xúc với gia đình của mình qua thư từ và các cuộc viếng thăm, trừ những trường hợp ngoại lệ.

đ) Mọi trẻ em bị tước quyền tự do có quyền đòi hỏi được nhanh chóng hưởng sự giúp đỡ về pháp lý và những sự giúp đỡ thích hợp khác, cũng như quyền chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước quyền tự do của các em trước một tòa án hay cơ quan khác có thẩm quyền, độc lập, vô tư và có quyền đòi hỏi một quyết định nhanh chóng về bất kỳ hành động nào như vậy.

Điều 38

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng và đảm bảo tôn trọng những quy tắc về luật nhân đạo quốc tế áp dụng cho họ trong các cuộc xung đột vũ trang có liên quan đến trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả những biện pháp có thể thực hiện được nhằm đảm bảo rằng những người chưa đến tuổi 15 không phải trực tiếp tham gia chiến sự.

3. Các quốc gia thành viên phải tránh tuyển mộ bất kỳ người nào chưa đến tuổi 15 vào lực lượng vũ trang của mình. Khi tuyển mộ trong số những người đã đến 15 tuổi nhưng chưa đến 18 tuổi, các quốc gia thành viên phải cố gắng dành ưu tiên tuyển mộ những người nhiều tuổi nhất trong số đó.

4. Phù hợp với nghĩa vụ của mình theo luật nhân đạo quốc tế là bảo vệ dân thường trong những cuộc xung đột vũ trang, các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp có thể thực hiện đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc những trẻ em bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang.

Điều 39

Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để thúc đẩy sự phục hồi về thể chất, tâm lý và tái hòa nhập xã hội của trẻ em là nạn nhân của bất kỳ hình thức bỏ mặc, bóc lột hay lạm dụng nào, tra tấn hay bất kỳ hình thức đối xử hay trừng phạt độc ác, vô nhân đạo và nhục hình nào khác, hoặc của các xung đột vũ trang. Sự phục hồi và tái hòa nhập như thế phải diễn ra trong môi trường làm tăng cường sức khỏe, lòng tự trọng và phẩm giá của trẻ em.

Điều 40

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị công nhận là đã vi phạm pháp luật hình sự được đối xử theo cách thức phù hợp với việc cố vũ ý thức của trẻ em về phẩm cách và phẩm giá vốn làm tăng cường lòng tôn trọng của trẻ em đối với những quyền con người và tự

do cơ bản của người khác, mà cũng phải tính đến lứa tuổi của trẻ em và điều mong muốn làm sao thúc đẩy sự tái hòa nhập và việc đảm đương một vai trò xây dựng của trẻ em trong xã hội.

2. Nhằm mục đích và xét đến những điều khoản thích hợp trong các văn kiện quốc tế, các quốc gia thành viên phải đặc biệt đảm bảo rằng:

a) Không một trẻ em nào bị coi là, bị tố cáo hay bị công nhận là đã vi phạm pháp luật hình sự vì những hành động hay khiếm khuyết mà luật pháp quốc gia và quốc tế không cấm vào thời điểm xảy ra.

b) Mọi trẻ em bị coi là hay bị tố cáo là đã vi phạm pháp luật hình sự được có ít nhất những điều đảm bảo sau đây:

(i) Được giả định vô tội cho tới khi chứng minh rằng đã phạm tội theo luật pháp.

(ii) Được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về những điều bị buộc tội và nếu thích hợp thông báo qua cha mẹ hay người giám hộ pháp lý, được giúp đỡ về pháp lý hoặc những giúp đỡ thích hợp khác để chuẩn bị và trình bày sự bảo vệ của mình.

(iii) Vấn đề có phạm tội hay không phải được xác định không trì hoãn bởi một nhà chức trách, hoặc một cơ quan xét xử có thẩm quyền, độc lập và vô tư trong một cuộc tường trình công bằng theo pháp luật có sự giúp đỡ về pháp lý hay giúp đỡ thích hợp khác, trừ trường hợp làm như vậy không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, đặc biệt xét đến độ tuổi và tình hình của trẻ em, của cha mẹ hay những người giám hộ pháp lý của các em.

(iv) Không bị ép buộc phải làm chứng hoặc nhận tội; được thẩm vấn hoặc nhờ người thẩm vấn những người làm chứng chống lại mình; được tham gia và thẩm vấn những người làm chứng cho mình trong những điều kiện bình đẳng.

(v) Nếu bị coi là đã vi phạm pháp luật hình sự, thì có quyền đòi hỏi quyết định này và những biện pháp thi hành theo quyết định, được đưa ra cho một nhà chức trách hoặc một cơ quan xét xử có thẩm quyền cao hơn, độc lập và vô tư xét lại theo pháp luật.

(vi) Được giúp đỡ không mất tiền của một người phiên dịch nếu trẻ em không hiểu hay không nói được ngôn ngữ sử dụng.

(vii) Sự riêng tư của trẻ em được tôn trọng đầy đủ trong suốt tất cả các giai đoạn tố tụng.

3. Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy việc hình thành những đạo luật, thủ tục, các cơ quan và tổ chức riêng cho các trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị thừa nhận là đã vi phạm pháp luật hình sự, đặc biệt phải:

a) Quy định một hạn tuổi tối thiểu mà những trẻ em ở dưới hạn tuổi đó

được coi như là không có khả năng vi phạm pháp luật hình sự.

b) Đề ra các biện pháp để xử lý những trẻ em như thế mà không phải đụng đến những quá trình tố tụng của việc xét xử, miễn là các quyền con người và những điều kiện bảo vệ về pháp lý được tôn trọng đầy đủ bất kỳ khi nào thích hợp và mong muốn.

4. Có sẵn nhiều biện pháp khác nhau như chăm sóc, hướng dẫn và lệnh giám sát, tham vấn, tạm tha, bảo trợ, các chương trình giáo dục, dạy nghề và những biện pháp thay thế khác ngoài việc chăm sóc tập trung, nhằm đảm bảo cho trẻ em được đối xử một cách phù hợp với phúc lợi của các em và tương xứng cả với hoàn cảnh và tội phạm của các em.

Điều 41

Không có gì trong Công ước này ảnh hưởng tới bất kỳ những điều khoản nào khác tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc thực hiện quyền trẻ em và những điều có thể có trong:

- a) Luật pháp của quốc gia thành viên đó.
- b) Luật pháp quốc tế có hiệu lực với quốc gia đó.

PHẦN II

Điều 42

Các quốc gia thành viên cam kết phổ biến rộng rãi những nguyên tắc và điều khoản của Công ước này tới người lớn cũng như trẻ em bằng các phương tiện thích hợp và tích cực.

Điều 43

1. Vì mục đích xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện những nghĩa vụ họ đã cam kết thực hiện trong Công ước này, một ủy ban về quyền trẻ em phải được thành lập với các chức năng quy định dưới đây.

2. Ủy ban này phải gồm 10 chuyên gia có uy tín đạo đức và có năng lực được công nhận trong lĩnh vực mà Công ước đề cập. Các thành viên của Ủy ban phải do những quốc gia thành viên bầu ra trong số những công dân của các quốc gia này và họ sẽ phải phục vụ với tư cách cá nhân, có tính đến sự phân bố theo địa lý một cách công bằng cũng như những hệ thống pháp luật chủ yếu.

3. Các thành viên của Ủy ban phải được bầu bằng cách bỏ phiếu kín từ danh sách những người do các quốc gia thành viên đề cử. Mỗi quốc gia thành viên có thể đề cử một công dân của nước mình.

4. Cuộc bầu cử đầu tiên phải được tiến hành không muộn quá 6 tháng kể

từ ngày Công ước có hiệu lực và sau đó cứ 2 năm tiến hành một lần. Ít nhất 4 tháng trước mỗi cuộc bầu cử, Tổng Thư ký Liên hợp quốc phải gửi thư tới các quốc gia thành viên mời họ gửi danh sách đề cử của nước mình trong vòng 2 tháng. Sau đó, Tổng Thư ký phải chuẩn bị một danh sách theo thứ tự vần chữ cái tất cả những người được đề cử, nêu rõ những quốc gia thành viên đã đề cử và phải gửi danh sách đó tới các quốc gia thành viên Công ước này.

5. Các cuộc bầu cử phải được tổ chức tại các phiên họp của những quốc gia thành viên do Tổng Thư ký triệu tập tại trụ sở Liên hợp quốc. Tại các phiên họp này, trong đó số đại biểu quy định phải là hai phần ba số các quốc gia thành viên và những người được bầu vào Ủy ban phải là những người được số phiếu cao nhất và một số tuyệt đối số phiếu của các đại diện quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu.

6. Các thành viên của Ủy ban phải được bầu theo nhiệm kỳ 4 năm. Họ phải có quyền tranh cử lại nếu như được đề cử lại. Nhiệm kỳ của 5 trong số những thành viên được bầu ở cuộc bầu cử đầu tiên phải kết thúc sau 2 năm. Ngay sau cuộc bầu cử đầu tiên, tên của 5 thành viên này phải được chọn bằng rút thăm do Chủ tịch phiên họp tiến hành.

7. Nếu một thành viên của Ủy ban chết hoặc từ chức hay tuyên bố rằng vì bất kỳ một lý do nào khác mà không thể đảm nhiệm công việc Ủy ban, quốc gia thành viên đó mà đã đề cử vị thành viên đó sẽ phải bổ nhiệm một chuyên gia khác là công dân nước mình làm việc trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ, với sự chấp thuận của Ủy ban.

8. Ủy ban phải đề ra các quy tắc thủ tục riêng.

9. Ủy ban phải bầu ra các quan chức của mình cho một nhiệm kỳ 2 năm.

10. Thông thường, các phiên họp của Ủy ban phải được tổ chức tại trụ sở của Liên hợp quốc hay ở bất kỳ nơi nào thuận tiện do Ủy ban quyết định. Thường thì Ủy ban phải họp hàng năm. Thời gian các phiên họp của Ủy ban phải do một phiên họp của các quốc gia thành viên quyết định và xét lại nếu cần thiết, và phải được sự chấp nhận của Đại Hội đồng.

11. Tổng Thư ký Liên hợp quốc phải cung cấp nhân sự và phương tiện cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả các chức năng của Ủy ban theo Công ước này.

12. Với sự chấp nhận của Đại Hội đồng, các thành viên của Ủy ban được thành lập theo Công ước này phải được nhận thù lao của Liên hợp quốc theo những quy định và điều kiện như Đại Hội đồng có thể quyết định.

Điều 44

1. Các quốc gia thành viên cam kết trình cho Ủy ban thông qua Tổng Thư ký Liên hợp quốc các báo cáo về những biện pháp mà họ đã thông qua nhằm mang lại hiệu quả cho những quyền được thừa nhận trong Công ước này và về tiến bộ đạt được trong việc hưởng các quyền này:

a) Trong vòng 2 năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan.

b) Sau đó cứ 5 năm một lần.

2. Các báo cáo theo điều này phải nêu ra những nhân tố và các khó khăn nếu có ảnh hưởng đến mức độ thực hiện những nghĩa vụ nêu trong Công ước này. Các báo cáo cũng phải bao gồm đầy đủ những thông tin để Ủy ban có thể hiểu biết toàn diện về tình hình thực hiện Công ước ở quốc gia có liên quan.

3. Một quốc gia thành viên mà đã nộp báo cáo tổng hợp đầu tiên với Ủy ban không cần nhắc lại những thông tin cơ bản đã cung cấp trước đó trong các báo cáo tiếp sau mà họ sẽ nộp theo khoản 1 b) của Điều 44 này.

4. Ủy ban có thể đề nghị các quốc gia thành viên cung cấp thêm những thông tin có liên quan đến việc thực hiện Công ước.

5. Ủy ban phải nộp báo cáo về những hoạt động của mình tới Đại Hội đồng Liên hợp quốc hai năm một lần, thông qua Hội đồng kinh tế và xã hội.

6. Các quốc gia thành viên phải công bố rộng rãi những báo cáo của họ cho công chúng nước họ.

Điều 45

Để thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả Công ước và khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực mà Công ước đã đề cập:

a) Các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những tổ chức khác của Liên hợp quốc có quyền có đại diện trong các buổi xem xét việc thực hiện những điều khoản của Công ước này thuộc phạm vi chức trách của họ. Ủy ban có thể mời các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác mà Ủy ban có thể coi là thích hợp làm cố vấn chuyên môn về thực hiện Công ước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức trách của những cơ quan này. Ủy ban có thể đề nghị các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những tổ chức khác của Liên hợp quốc nộp các báo cáo về việc thực hiện Công ước trong những lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của họ.

b) Ủy ban phải chuyển, nếu xét thấy thích hợp tới các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác bất kỳ báo cáo của các quốc gia thành viên mà có đề nghị hoặc có nhu cầu tư vấn hay giúp đỡ kỹ thuật, cùng với những nhận xét và gợi ý của Ủy ban nếu có về những đề nghị hay mong muốn đó.

c) Ủy ban có thể khuyến nghị Đại hội đồng để đề nghị Tổng Thư ký thay mặt mình tiến hành các nghiên cứu về những vấn đề cụ thể liên quan tới quyền trẻ em.

đ) Ủy ban có thể nêu những gợi ý và khuyến nghị chung dựa trên các thông tin nhận được theo các điều 44 và 45 của Công ước này. Những gợi ý và khuyến nghị chung này sẽ được chuyển tới bất kỳ quốc gia thành viên nào có liên quan và sẽ được báo cáo với Đại Hội đồng, cùng với các nhận xét nếu có của những quốc gia thành viên.

PHẦN III

Điều 46

Công ước này phải để mở cho tất cả các quốc gia ký.

Điều 47

Công ước này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn phải được Tổng Thư ký Liên hợp quốc lưu trữ.

Điều 48

Công ước này phải để mở cho bất kỳ quốc gia nào gia nhập. Các văn kiện gia nhập phải do Tổng Thư ký Liên hợp quốc lưu trữ.

Điều 49

1. Công ước này phải có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ ngày Tổng Thư ký Liên hợp quốc nhận được văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ 20.

2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hay gia nhập Công ước sau khi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ 20 được lưu trữ, Công ước sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 30 kể từ ngày quốc gia đó gửi lưu trữ văn kiện phê chuẩn hay gia nhập đến Liên hợp quốc.

Điều 50

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đều có quyền đề nghị sửa đổi và đề trình đề nghị này cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc. Ngay sau đó, Tổng Thư ký phải thông báo những đề nghị sửa đổi cho các quốc gia thành viên, đồng thời đề nghị cho biết có tán thành hay không việc tổ chức một hội nghị giữa những quốc gia thành viên để xem xét và biểu quyết về các đề nghị đó. Nếu trong vòng 4 tháng kể từ ngày thông báo, có ít nhất một phần ba số các quốc gia thành viên tán thành một hội nghị như vậy thì Tổng Thư ký phải triệu tập hội nghị này dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc. Bất kỳ một sửa đổi nào được chấp nhận bởi đa số các quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại hội nghị phải được đệ trình để Đại Hội đồng chấp thuận.

2. Mỗi sửa đổi bổ sung được thông qua theo khoản 1 của Điều 50 này sẽ có hiệu lực khi được Đại Hội đồng chấp nhận và được đa số 2/3 các quốc gia thành viên chấp nhận.

3. Khi một sửa đổi có hiệu lực, Công ước phải có hiệu lực ràng buộc với những quốc gia thành viên đã chấp nhận nó, còn các quốc gia thành viên khác vẫn bị ràng buộc bởi những điều khoản của Công ước này và những sửa đổi bổ sung bất kỳ nào trước đó mà họ đã chấp nhận.

Điều 51

1. Tổng Thư ký Liên hợp quốc phải nhận và cho lưu hành tới tất cả các quốc gia văn bản bảo lưu của các quốc gia khi phê chuẩn hay gia nhập.

2. Điều bảo lưu không phù hợp với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.

3. Có thể rút những điều bảo lưu vào bất cứ lúc nào bằng một thông báo gửi tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc, sau đó Tổng Thư ký phải thông báo cho tất cả các quốc gia. Thông báo rút lui như vậy sẽ có hiệu lực từ ngày Tổng Thư ký nhận được.

Điều 52

Một quốc gia thành viên có thể tuyên bố rút khỏi Công ước này bằng một thông báo bằng văn bản gửi đến Tổng Thư ký Liên hợp quốc. Tuyên bố rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ khi Tổng Thư ký nhận được thông báo.

Điều 53

Tổng Thư ký Liên hợp quốc được chỉ định làm người lưu chiếu Công ước này.

Điều 54

Nguyên bản của Công ước này, bằng các thứ tiếng Ả-rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga, Tây Ban Nha đều có giá trị chính thức như nhau phải do Tổng Thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu.